

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓN QUẢN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-03-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hồ Văn Thanh

***Các hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Ông Trịnh Văn Đoàn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 222/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung” theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/02/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Quách Thị Đ, sinh năm 1982 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Trú tại: Xóm Đanh, xã Xuất Hóa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

***Bị đơn:*** Anh Lê Văn Q, sinh năm 1978 (Vắng mặt có đơn xin vắng).

Trú tại: Tổ 4, ấp Sở Xiêm, xã Tân Hưng, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trình bày và yêu cầu của chị Quách Thị Đ:***

Chị Quách Thị Đ và anh Lê Văn Q tự nguyện kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019

cho đến nay. Do đó vợ chồng không thể tiếp tục sống cùng nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị Thu Thảo, sinh năm 2001; Cháu Lê Hoàng Long, sinh năm 2005; Cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh năm 2014. Khi ly hôn chị Đ đề nghị anh Q nuôi 03 con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trình bày và yêu cầu của anh Lê Văn Q.*

Anh Q thống nhất với lời trình bày của chị Quách Thị Đ về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Do đó chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh Q đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị Thu Thảo, sinh năm 2001 (Đã trưởng thành); Cháu Lê Hoàng Long, sinh năm 2005; Cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh năm 2014. Khi ly hôn anh Q đề nghị nuôi 02 con chung là cháu Lê Hoàng Long, cháu Lê Thị Kiều Trang và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy Đ của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy Đ của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, có đủ căn cứ xác Đ tình cảm giữa chị Đ và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung cho anh Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do anh Q không yêu cầu nên chưa xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Chị Quách Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Q, anh Q có nơi cư trú ấp Sở Xiêm, xã Tân Hưng, huyện

Hón Quản, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước

Chị Quách Thị Đ và anh Lê Văn Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản 01 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Đ, anh Q theo quy Đ của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Đ trình bày nguyên nhân mâu thuẫn chính để chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh Q là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Đồng thời anh Q cũng cho rằng hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019. Từ những mâu thuẫn trên cho thấy tình cảm giữa hai vợ chồng thực sự đã mâu thuẫn trầm trọng. Nên yêu cầu ly của chị Đ với anh Q là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị Thu Thảo, sinh năm 2001 (Đã trưởng thành); Cháu Lê Hoàng Long, sinh năm 2005; Cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh năm 2014.

Đối với Cháu Lê Hoàng Long, sinh năm 2005; Cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh năm 2014, quá trình giải quyết chị Đ và anh Q đều thống nhất giao cháu Long, cháu Trang cho anh Q nuôi dưỡng, đồng thời Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Long và cháu Trang đều có ý kiến muốn ở với anh Q. Do đó cần giao cháu Lê Hoàng Long, cháu Lê Thị Kiều Trang cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do anh Q chưa yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy Đ.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ pháp luật, nên được Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 217; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Quách Thị Đ.

Chị Quách Thị Đ được ly hôn với anh Lê Văn Q (Đã đăng ký giấy chứng nhận kết hôn số 135/2002 ngày 04/12/2002, do Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Bình Long (Nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước cấp).

2. Về con chung: Giao Cháu Lê Hoàng Long, sinh năm 2005; Cháu Lê Thị Kiều Trang, sinh năm 2014 cho anh Lê Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn Q chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Quách Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013810 ngày 01/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.**

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND H. Hớn Quản;
- Chi cục THADS H. Hớn Quản;
- UBND xã Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT,HS.

**Hồ Văn Thanh**